

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011 - 2020
và phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện
thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm
2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch
ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị
về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ
Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc
Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy
hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập
và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của
Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm
2050;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của
UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt chi tiết nội dung và dự toán kinh phí
lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*



Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3094/TTr-SCT ngày 13 tháng 11 năm 2024 và kết quả biểu quyết của thành viên UBND thành phố Đà Nẵng tại phiên họp ngày 19 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011-2020 và phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bao gồm Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển nguồn điện và lưới điện ở cấp điện áp từ 22kV đến 500kV, công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm cả các công trình liên kết lưới điện với các địa phương trong vùng.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Xây dựng hệ thống lưới điện hiện đại, thông minh, có khả năng liên kết lưới điện của khu vực, giải toả công suất các nguồn điện tiềm năng, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chí N-1 và giảm tổn thất điện năng trên lưới.

b) Từng bước hoàn thiện hệ thống năng lượng thông minh, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý, giám sát quá trình phát, truyền tải, phân phối, tiêu thụ năng lượng. Phát triển dữ liệu lưới điện thành phố trên nền thông tin địa lý (GIS), xây dựng và chuyển đổi các trạm biến áp truyền tải không người trực.

c) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, khuyến khích đầu tư và sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

d) Phát triển nhanh và bền vững lĩnh vực điện lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó: phát triển hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng, ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch, phù hợp với tình hình thực tế của thành phố; Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tại các trụ sở công; Khuyến khích nghiên cứu tiềm năng, phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai chiến lược biển Việt Nam; Ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng sạch (điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, nguồn điện từ rác thải đô thị), xem xét cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện tại chỗ, tự cung cấp trong khu công nghệ cao, các khu, cụm công nghiệp.

đ) Nghiên cứu thí điểm áp dụng các công nghệ mới để cấp điện cho phụ tải như giải pháp BESS (Battery energy storage system) - hệ thống pin lưu trữ năng lượng, năng lượng tái tạo, quản lý hệ thống dữ liệu DMS,...nhằm tối ưu hóa chi phí đầu tư xã hội, đảm bảo cấp điện ổn định cho hệ thống điện của thành phố.

e) Khuyến khích phát triển xe ô tô điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng dựa trên xu hướng phát triển sử dụng nguồn năng lượng sạch, thực hiện chủ trương của thành phố Đà Nẵng về phát triển hình ảnh thành phố đáng sống, xanh sạch đẹp.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Phát triển nguồn và lưới điện phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và của từng vùng, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với chiến lược phát triển ngành điện, quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác của vùng và các địa phương trong vùng.

- Phát triển đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên một hàng cột để giảm diện tích chiếm đất. Đối với các quận trung tâm, các trung tâm phụ tải lớn, sơ đồ lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao hơn; thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện tại các quận trung tâm, khu công nghệ cao, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

- Có lộ trình di dời các đường dây 220kV, 110kV hiện đang đi qua khu vực đông dân cư để lắp đặt lại tại vị trí mới phù hợp với quy hoạch chỉnh trang đô thị của thành phố nhằm giảm nguy cơ gây mất an toàn điện, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, vận hành và duy tu, cải tạo, nâng cấp sau này.

- Từng bước hiện đại hóa lưới điện, cải tạo, nâng cấp các thiết bị đóng cắt, bảo vệ và tự động hóa của lưới điện; từng bước hiện đại hóa hệ thống điều khiển lưới điện. Thực hiện lộ trình xây dựng lưới điện thông minh tại các cấp điện áp nhằm nâng cao chất lượng và độ tin cậy cấp điện, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng sử dụng điện và nâng cao năng suất lao động.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về bảo đảm an ninh năng lượng:

- + Cung cấp đủ nhu cầu điện đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng với mức tăng trưởng kinh tế đạt trên 10%/năm và phấn đấu đạt 12%/năm theo tinh thần Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị trong giai đoạn 2021-2030, trong đó:

- . Điện thương phẩm: Năm 2025 khoảng 4.154 triệu kWh; năm 2030 khoảng 6.498 triệu kWh; đến năm 2050 khoảng 20.939 triệu kWh.

- . Công suất cực đại: Năm 2025 khoảng 810,3 MW; năm 2030 khoảng 983,8 MW; đến năm 2050 khoảng 2.029 MW.

- + Phấn đấu đến năm 2030 có 50% các tòa nhà công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà.

+ Phát triển lưới điện 220kV và 110kV đảm bảo tiêu chí N-1 đến năm 2025, tổn thất điện năng trên lưới điện 110kV đến năm 2025 phải nhỏ hơn 0,7%, hoàn thiện mạng lưới điện khu vực nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng và bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Về chuyển đổi năng lượng công bằng: thực hiện theo Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 31/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC

1. Phương án phát triển nguồn điện

a) Định hướng phát triển

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ và ngoài khơi, mặt trời, sinh khối...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà.

- Đối với tiềm năng về năng lượng mặt trời mặt đất, năng lượng mặt trời mặt nước và điện khí sẽ nghiên cứu để phát triển theo nhu cầu phụ tải và điều kiện thực tế phù hợp. Định hướng phát triển điện mặt trời phải kết hợp với pin lưu trữ khi giá thành hợp lý.

- Khai thác hiệu quả nguồn điện từ lưới điện 500kV và 220kV của hệ thống điện quốc gia.

b) Phương án phát triển

- Đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...), tiếp tục gia tăng tỷ trọng của năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện và điện năng sản xuất:

+ Đẩy mạnh phát triển điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện mặt trời phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện, giá thành điện năng và chi phí truyền tải hợp lý gắn với bảo đảm an toàn vận hành và tính kinh tế chung của hệ thống điện, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng lưới điện hiện có. Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời.

+ Ưu tiên, khuyến khích phát triển các loại hình điện sinh khối (tiềm năng khoảng 15 MW), điện sản xuất từ rác, chất thải rắn (tiềm năng khoảng 36 MW) nhằm tận dụng phụ phẩm nông, lâm nghiệp, chế biến gỗ, thúc đẩy trồng rừng, xử lý môi trường. Năm 2030, công suất các nguồn điện này đạt 51 MW. Có thể phát triển quy mô lớn hơn sau năm 2030 nếu đủ nguồn nguyên liệu, hiệu quả sử dụng đất cao, yêu cầu xử lý môi trường, điều kiện lưới điện, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý.

- Ưu tiên, khuyến khích phát triển các nhà máy điện đồng phát, nhà máy điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, các sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp.

Danh mục các nguồn điện tiềm năng trên địa bàn thành phố được nêu tại Phụ lục I đính kèm.

2. Phương án phát triển lưới điện

a) Định hướng phát triển

** Tiêu chí phát triển lưới điện 220kV, 110kV:*

- Cấu trúc lưới điện: Lưới điện 220-110kV được thiết kế mạch vòng hoặc mạch kép, mỗi trạm biến áp sẽ được cấp điện bằng hai đường dây trở lên đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành, chế độ N-1. Lưới điện 220-110kV phải đảm bảo độ dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

- Đường dây 220-110kV: ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện; xem xét xây dựng cột đơn thân hoặc đường dây cáp ngầm, ưu tiên lắp đặt trong khu vực dải phân cách các tuyến đường tại khu vực đô thị để giảm diện tích chiếm đất và đảm bảo hành lang tuyến, hạn chế đền bù giải phóng mặt bằng. Dây dẫn có tiết diện đủ lớn cho dự phòng phát triển trong tương lai.

- Trạm biến áp 220-110kV: được thiết kế với cấu hình quy mô hai máy biến áp trở lên. Các trạm biến áp 220-110 sử dụng trạm kín (trạm GIS) hoặc trạm compact, đặc biệt là các trạm biến áp xây dựng mới ở khu vực trung tâm, có lộ trình cải tạo dần các trạm biến áp hở hiện có trong khu vực trung tâm, ngoại trừ một vài trạm biến áp ở khu vực ngoại thành.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Đường dây 220kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 400\text{mm}^2$ (hoặc dây dẫn siêu nhiệt siêu bền có độ truyền tải điện tương đương), cáp ngầm XLPE- 1600mm^2 hoặc dây phân pha có tổng tiết diện $\geq 600\text{mm}^2$, có dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp; cần tính toán sử dụng dây dẫn phân pha hoặc dây siêu nhiệt siêu bền trong quá trình lập dự án khả thi.

+ Đường dây 110kV: sử dụng dây dẫn tiết diện $\geq 300\text{mm}^2$ (hoặc dây dẫn siêu nhiệt siêu bền có độ truyền tải điện tương đương) hoặc cáp ngầm XLPE- 1200mm^2 ; đối với những nơi phụ tải tập trung ưu tiên sử dụng dây phân pha; cần tính toán sử dụng dây dẫn phân pha hoặc dây siêu nhiệt siêu bền có khả năng tải điện tương đương trong quá trình lập dự án khả thi.

- Gam máy biến áp: sử dụng gam máy biến áp công suất 250MVA cho cấp điện áp 220kV; 40MVA, 63MVA cho cấp điện áp 110kV; đối với các trạm phụ tải của khách hàng, gam máy biến áp được lựa chọn tùy theo quy mô công suất sử dụng. Công suất cụ thể từng trạm được chọn phù hợp với nhu cầu công suất và đảm bảo chế độ vận hành bình thường mang tải từ 50% - 75% công suất định mức. Ngăn lộ ra 110kV cho trạm biến áp 220kV thường có ít nhất 08 ngăn lộ 110kV và 04 ngăn dự phòng. Ngăn lộ 110kV cho TBA 110kV quan trọng có 04 ngăn đường dây. Ngăn lộ ra 22kV cho TBA 110kV có ít nhất 08 ngăn lộ (cho mỗi thanh cái, trong đó có 01 ngăn có thông số của máy cắt lộ tổng) đảm bảo dòng

điện lớn nhất trên mỗi xuất tuyến trong chế độ làm việc bình thường không quá 200A (tùy theo mật độ phụ tải khu vực cấp điện).

- Hỗ trợ cấp điện giữa các trạm biến áp 110kV được thực hiện bằng các đường dây mạch vòng trung thế 22kV.

** Tiêu chí phát triển lưới điện trung thế:*

- Định hướng xây dựng và cải tạo lưới điện: cấp điện áp 22kV được chuẩn hóa cho phát triển lưới điện trung thế trên địa bàn thành phố. Lưới điện được thiết kế đảm bảo tiêu chí N-1.

- Cấu trúc lưới điện:

+ Lưới trung thế được thiết kế mạch vòng đủ điều kiện vận hành kín, trước mắt vận hành hở. Để đảm bảo độ dự phòng các đường trục trung thế ở chế độ làm việc bình thường chỉ mang tải từ (60÷70)% công suất so với công suất mang tải cực đại cho phép.

+ Sử dụng cáp ngầm trung thế để lắp đặt tại các quận trung tâm, khu vực đông dân cư, các đường phố chính có quy hoạch dịch vụ du lịch, khu đô thị thương mại ổn định và các khu đô thị mới được quy hoạch để đảm bảo mỹ quan của thành phố đô thị loại I. Đối với các dự án xây dựng mới/cải tạo đường dây cáp ngầm, ưu tiên bố trí cáp ngầm trung áp đi dưới bó vỉa hoặc lòng đường để không vướng các hạ tầng ngầm do vỉa hè nhỏ hẹp.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Đối với cáp ngầm: sử dụng cáp đồng đơn pha có tiết diện $\geq 300\text{mm}^2$ cho đường trục, nhánh rẽ có tiết diện $\geq 185\text{mm}^2$ (tùy theo hiện trạng lưới điện và khu vực phụ tải).

+ Đối với đường dây trên không: sử dụng dây bọc cách điện có tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$ cho đường trục, nhánh rẽ có tiết diện $\geq 185\text{mm}^2$.

- Trạm biến áp phân phối và gam máy:

+ Trạm biến áp xây dựng mới tại các tuyến đường, khu vực có yêu cầu lưới điện đi ngầm sử dụng trạm biến áp 01 cột (có tích hợp tủ RMU).

+ Ưu tiên sử dụng máy biến áp phân phối 22/0,4kV tổn hao thấp (lõi thép Amorphous).

+ Đối với khu vực nội thành: phát triển các trạm biến áp dân dụng với dung lượng 250kVA, 400kVA; ưu tiên cấy thêm các trạm biến áp mới hơn là nâng dung lượng trạm hiện có (lưu ý: bán kính cấp điện không quá 400m);

+ Đối với khu vực nông thôn: chọn gam máy biến áp có công suất phù hợp (lưu ý: bán kính cấp điện không quá 600m);

+ Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải theo các gam công suất tiêu chuẩn 100kVA, 250kVA, 400kVA, 630kVA, 1000kVA, 1250kVA, 1600kVA.

** Tiêu chí về giảm tổn thất điện năng:*

Đảm bảo giảm tổn thất điện năng của lưới điện phân phối bao gồm giảm tổn thất điện năng kỹ thuật gây ra do bản chất vật lý của đường dây dẫn điện, trang thiết bị trên lưới điện phân phối và giảm tổn thất điện năng phi kỹ thuật gây ra do ảnh hưởng của các yếu tố trong quá trình quản lý kinh doanh điện.

b) Khối lượng xây dựng lưới điện

- Lưới điện 500kV: đến năm 2030, xây dựng đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, chiều dài toàn tuyến 2x500 km, đoạn đi qua thành phố Đà Nẵng dài khoảng 30,4 km. Xây dựng đường dây 500kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi mạch 2, chiều dài toàn tuyến 2x100 km, đoạn qua thành phố Đà Nẵng khoảng 6,8 km. Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Đà Nẵng từ 2x450 MVA lên thành 2x900 MVA.

- Lưới điện 220kV: đến năm 2030, xây dựng mới 04 trạm và cải tạo 02 trạm biến áp 220kV, tổng công suất 1.500MVA. Đến năm 2050, định hướng cải tạo nâng công suất 03 trạm biến áp 220kV, tổng công suất 750MVA.

- Lưới điện 110kV: đến năm 2030, xây dựng mới 10 trạm và nâng cấp cải tạo 12 trạm biến áp 110kV; đến năm 2050, định hướng xây dựng mới 09 trạm và nâng cấp cải tạo 11 trạm biến áp 110kV.

- Lưới điện trung áp phục vụ liên huyện: khi quy hoạch các khu dân cư mới cần bố trí quỹ đất để bố trí các trạm biến áp 22/0,4 kV ở khu vực trung tâm phụ tải, đảm bảo bán kính cấp điện không quá 400m ở khu vực nội thành và không quá 600m ở khu vực nông thôn.

Danh mục đầu tư các dự án lưới điện giai đoạn 2021-2030 được nêu cụ thể tại Phụ lục II đính kèm.

Khối lượng lưới điện giai đoạn 2031-2050 sẽ chuẩn xác trong các quy hoạch thời kỳ tiếp theo.

- Phương án cấp điện cho hệ thống LRT và MRT từ mạng lưới các trạm biến áp phân phối của từng khu vực mà các tuyến tàu điện, đường sắt đi qua, tùy theo nhu cầu cụ thể của từng đoạn tuyến và trạm điều hành/dừng trong hệ thống sẽ lắp đặt các trạm biến áp có công suất lắp đặt phù hợp.

- Khuyến khích đầu tư phát triển trạm sạc ô tô điện theo hướng xã hội hóa.

+ Giai đoạn 2020-2025: dự kiến có 165 trạm sạc trong đó 150 trạm cấp 1,2 và 15 trạm sạc cấp 3. Công suất trạm sạc cấp 1, 2 từ 6,6-22 kW (trung bình 10kW) và công suất trạm sạc cấp 3 (sạc nhanh) có mức công suất từ 30kW-100kW (trung bình 60kW). Giai đoạn này các trạm sạc sẽ được cấp điện qua lưới điện hạ thế hoặc các trạm biến áp phân phối hiện có.

+ Tầm nhìn đến năm 2030: dự kiến có 550 trạm sạc trong đó 500 trạm cấp 1,2 và 50 trạm sạc cấp 3; công suất trạm sạc cấp 1, 2 từ 6,6-22 kW (trung bình 10kW) và công suất trạm sạc cấp 3 (sạc nhanh) có mức công suất từ 100kW-350kW (trung bình 200kW). Công suất trung bình của trạm sạc nhanh cấp 3 tăng lên do sự phát triển của công nghệ pin và trạm sạc nhanh để đáp ứng khoảng cách

di chuyển càng xa và thời gian sạc càng ngắn. Giai đoạn này cần xây dựng các TBA chuyên dụng để cấp điện cho các trạm sạc.

IV. TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO KẾT CẤU HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

1. Nhu cầu sử dụng đất để xây dựng trạm biến áp

- Giai đoạn 2021-2030: 11,16 ha.
- Giai đoạn 2031-2050: 22,95 ha.

2. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình đường dây

Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình đường dây trên không bao gồm diện tích chiếm đất lâu dài để xây dựng móng trụ và diện tích hành lang tuyến.

- Giai đoạn 2021-2030: diện tích chiếm đất lâu dài: 9,25 ha; diện tích đất hành lang tuyến đường dây điện trên không: 252 ha; diện tích đất hành lang tuyến cáp ngầm: 27,37 ha.

- Giai đoạn 2031-2050: diện tích chiếm đất lâu dài: 4,35 ha; diện tích đất hành lang tuyến đường dây điện trên không: 118,32 ha; diện tích đất hành lang tuyến cáp ngầm: 1,26 ha.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

1. Tiêu chí, luận chứng xây dựng danh mục các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư

Danh mục dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư được xây dựng dựa trên các tiêu chí và luận chứng sau đây:

- Các dự án có vai trò quan trọng trong cân đối cung - cầu điện nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Các dự án cần thực hiện để đảm bảo tính đồng bộ giữa quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch năng lượng khác.

- Các dự án góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường (sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, đồng phát, sử dụng khí dư...), thực hiện các cam kết về khí hậu.

- Các dự án tự sản, tự tiêu.

- Các dự án sử dụng đất hiệu quả.

- Các dự án lưới điện 500kV, 220kV và 110kV.

- Tính khả thi trong triển khai.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

2. Danh mục các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư

Danh mục các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư nêu tại Phụ lục III đính kèm.

VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp bảo đảm an ninh cung cấp điện

- Đa dạng hóa nguồn nhiên liệu sử dụng cho phát điện, kết hợp hài hòa nguồn năng lượng sơ cấp trong nước và nhập khẩu.

- Phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch. Kịp thời cập nhật tiến bộ khoa học - công nghệ trên thế giới về các nguồn năng lượng mới (hydro, amoniac...) để sử dụng cho phát điện.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện chạy than, khí sang nhiên liệu sinh khối, amoniac, hydro...

2. Giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện

- Sử dụng chủ yếu nguồn vốn của các đơn vị ngành điện (vốn khấu hao cơ bản, vốn vay tín dụng và các nguồn vốn khác của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia, Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng) để đầu tư, đồng thời khai thác tối ưu mọi nguồn lực tham gia hoạt động đầu tư phát triển lưới điện.

- Tăng cường kêu gọi, sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ của quốc tế (JETP,...), các nguồn tín dụng xanh, tín dụng khí hậu, trái phiếu xanh...

- Đa dạng hóa hình thức đầu tư (nhà nước, tư nhân, đối tác hợp tác công - tư...) đối với các dự án điện. Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước, thu hút mạnh khu vực tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển điện.

- Khuyến khích người dân và doanh nghiệp đầu tư phát triển điện mặt trời mái nhà, nguồn điện tự sản, tự tiêu.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch, thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án điện.

3. Giải pháp về pháp luật, chính sách

- Tham gia góp ý các chính sách, pháp luật về phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo (bao gồm cả điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời tự sản, tự tiêu), sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả; hệ thống pin lưu trữ điện;

- Đề xuất các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành các cơ chế, chính sách, quy định về phát triển hạ tầng trạm sạc xe điện.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Sử dụng công nghệ hiện đại cho các công trình điện xây dựng mới; từng bước nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi các công trình hiện có.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, nâng cao độ tin cậy, giảm tổn thất điện năng. Đẩy nhanh lộ trình xây dựng lưới điện thông minh.

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin dữ liệu, các hệ thống tự động hóa, điều khiển phục vụ công tác điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Tiếp

cận thành tựu khoa học công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, trong đó có chuyển đổi số trong ngành điện.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành kinh tế sử dụng nhiều điện.

5. Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả

- Tăng cường nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội như tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị.

- Khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng; tăng cường kiểm toán năng lượng; đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng.

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng điện hiệu quả đối với những lĩnh vực, ngành có mức tiêu thụ điện cao.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình Quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối, điều độ, thị trường điện, lưới điện thông minh...

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý ngành điện ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới.

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, đa dạng hóa hình thức đào tạo nhân lực, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, đảm bảo đủ trình độ năng lực vận hành hệ thống điện quy mô lớn, tích hợp tỷ trọng cao các nguồn năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ lưới điện thông minh.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Triển khai tích cực, hiệu quả các nội dung của Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng với các đối tác quốc tế (JETP), tận dụng tối đa hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, quản trị, đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ điện lực, tranh thủ chuyển giao công nghệ, nguồn vốn từ các đối tác nước ngoài.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện; bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành điện lực, bao gồm dữ liệu về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch để làm cơ sở giám sát tình hình thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát tình hình phát triển phụ tải trên địa bàn thành phố, tiến độ

thực hiện các công trình nguồn và lưới điện để đề xuất các giải pháp điều chỉnh cơ cấu nguồn điện, tiến độ nếu cần thiết, đảm bảo cung cầu điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

- Quản lý hiệu quả việc phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, các sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp, nguồn điện mặt trời mái nhà và các nguồn điện được các đơn vị phát điện và mua điện tự thỏa thuận mua bán điện trực tiếp với nhau.

V. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Bản đồ Địa dư lưới điện thành phố Đà Nẵng đến năm 2050 theo Phụ lục IV đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này.

b) Tổ chức công bố Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Tổ chức đánh giá thực hiện Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: (i) tính chính xác và phù hợp với hồ sơ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ của hồ sơ báo cáo nội dung đề xuất; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính sau khi sáp nhập)

Tham mưu đề xuất UBND thành phố về tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ

2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng điện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi sáp nhập)

Tham mưu đề xuất UBND thành phố về bố trí quỹ đất, đấu giá đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật.

4. UBND các quận, huyện

Chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

5. Các đơn vị ngành điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện trên địa bàn thành phố và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện đầu tư xây dựng mới các dự án nguồn điện; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, di dời các công trình lưới điện theo nhiệm vụ được giao. Phối hợp cùng Sở Công Thương xây dựng kế hoạch và thực hiện ngầm hóa lưới điện phù hợp nguồn vốn của đơn vị.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Tổng Công ty Điện lực miền Trung, Công ty Truyền tải điện 2, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung, Ban Quản lý dự án lưới điện miền Trung, Công ty TNHH một thành viên Điện lực Đà Nẵng, Truyền tải điện Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để t/hiện);
- Bộ Công Thương (b/cáo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, KT, SCT.

do

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chí Cường

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số **579** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **02** năm **2025**
của UBND thành phố Đà Nẵng)

T T	Nguồn điện	Công suất (MW)	Phương án đấu nối	Địa điểm
1	Năng lượng mặt trời mái nhà	1.138		Toàn thành phố
2	Năng lượng sinh khối	15	Xây dựng mới 02 xuất tuyến cáp ngầm trung thế 22kV từ tủ lộ tổng 22kV thuộc trạm biến áp nâng áp của dự án đấu nối đến các xuất tuyến 471 - 473/E92 nhánh 22kV hiện hữu, sau đo đếm của Điện lực để bán điện cho nhà máy Cao su Đà Nẵng và bán lên lưới 22kV của EVN	Khu công nghiệp Liên Chiểu (Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ)
3	Năng lượng từ xử lý chất thải rắn	18	Đấu nối vào hệ thống điện quốc gia bằng đường dây 22kV, đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 22kV Xuất tuyến 474 Trạm biến áp 220/110kV Hòa Khánh và 475/E12 Cầu Đỏ	Bãi rác Khánh Sơn, Quận Liên Chiểu (Dự án Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại Khánh Sơn, TP Đà Nẵng đã được phê duyệt bổ sung vào Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)
		36	- Xây dựng mới 01 xuất tuyến trung thế 22kV từ Nhà máy xử lý rác 1000 tấn/ngày đến đấu nối vào cột 117-đường dây 479T2.HKH tại nút giao đường Hoàng Văn Thái-Tôn Đức Thắng (hướng về TBA 220kV Hoà Khánh); - Xây dựng mới 01 xuất tuyến trung thế 22kV từ Nhà máy xử lý rác 1.000	Khu xử lý CTR TP. Đà Nẵng (Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt 1000 tấn/ngày theo hình thức PPP tại bãi rác Khánh Sơn, thành phố Đà Nẵng, sử dụng công nghệ đốt rác phát điện với quy mô công suất từ 18-22MW đang trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung vào đề án Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 24/01/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

			tấn/ngày đến đầu nối vào cột 37-đường dây 474XHA tại nút giao đường Hoàng Văn Thái-Tôn Đức Thắng (hướng về TBA 110kV Xuân Hà).	
4	Nhiệt điện LNG	1.500		Khu công nghiệp Hoà Ninh
5	Điện gió gần bờ và ngoài khơi	500		Các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn

Ghi chú: Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan

Phụ lục II
DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số **579** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **02** năm **2025**
của UBND thành phố Đà Nẵng)

Bảng 1. Lưới điện 500kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
A	Trạm biến áp 500kV			
1	Cải tạo trạm 500kV Đà Nẵng, thay 02 MBA 450MVA bằng 02 MBA 900MVA	MVA	1.800	
B	Đường dây 500kV			
	Xây dựng mới			
1	Quảng Trạch - Dốc Sỏi	Km	2x30,4	
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Km	2x6,8	

Bảng 2. Lưới điện 220kV

T T	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
A	Trạm biến áp 220 kV			
I	Xây dựng mới	MVA	1.000	
1	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 1	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 1	MVA	250	
3	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 1	MVA	250	
4	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 1	MVA	250	
II	Cải tạo	MVA	500	750
1	Trạm 220 kV Ngũ Hành Sơn, máy 2	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 2	MVA		250
3	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 2	MVA		250
4	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 2	MVA	250	
5	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 2	MVA		250
B	Đường dây 220 kV			
I	Xây dựng mới	km	43,4	9
1	Hải Châu - Hòa Khánh	km	2x9,9	

2	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x10,5	
3	Liên Chiểu - rẽ Hòa Khánh - Huế	km	4x3	
4	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	km	2x8	
5	Tiên Sa (An Đồn) - rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x4	
6	Hòa Khánh - rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	km		2x1
Xây mới nâng khả năng tải và cấp điện ngoài tỉnh đi qua địa bàn Đà Nẵng				
7	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	2x8	
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	km		2x8
II	Cải tạo, nâng tiết điện	km	23	
1	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	km	2x15	
2	Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	km	2x8	

Bảng 3. Lưới điện 110kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
A	Trạm 110kV			
I	Xây dựng mới	MVA	733	630
1	Chi Lăng	MVA	126	
2	Thuận Phước	MVA	63	
3	Cảng Tiên Sa	MVA	40	
4	Hòa Phong	MVA	63	
5	NM Thép Đà Nẵng	MVA	63	
6	Cảng Liên Chiểu	MVA	63	
7	Khuê Trung	MVA	63	
8	Hòa Khánh Nam	MVA	126	
9	Thọ Quang	MVA	63	
10	Sân bay Đà Nẵng	MVA	63	
11	Hòa Hải	MVA		63
12	Hòa Liên 2	MVA		63
13	Hòa Nhơn	MVA		63
14	Làng Vân	MVA		126
15	An Hải	MVA		63
16	Hòa Châu	MVA		63
17	Hòa Sơn	MVA		63

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
18	Phước Lý	MVA		63
19	Công viên 29/3	MVA		63
II	Cải tạo	MVA	585	693
1	An Đồn, mở rộng 01 ngăn lộ 110kV	MVA		
2	Thuận Phước, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
3	Khuê Trung, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
4	Quận 3, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
5	Liên Chiểu, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng 2 máy biến áp 63MVA	MVA	46	
6	Cầu Đỏ, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
7	NM Thép Đà Nẵng, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
8	Ngũ Hành Sơn, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
9	Cảng Tiên Sa - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	
10	Hòa Xuân - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	
11	Hòa Liên, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	46	
12	Hòa Phong, lắp máy 2	MVA	63	
13	Sân bay Đà Nẵng	MVA		63
14	Thọ Quang, lắp máy 2	MVA		63
15	Cảng Liên Chiểu	MVA		63
16	Hòa Hải, lắp máy 2	MVA		63
17	An Hải, lắp máy 2	MVA		63
18	Hòa Nhơn, lắp máy 2	MVA		63
19	Hòa Liên 2, lắp máy 2	MVA		63
20	Hòa Châu, lắp máy 2	MVA		63
21	Hòa Sơn, lắp máy 2	MVA		63
22	Phước Lý, lắp máy 2	MVA		63
23	Công viên 29/3, lắp máy 2	MVA		63



TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
B	Đường dây 110kV			
I	Xây dựng mới	km	60,63	23,1
1	Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x3,1	
2	An Đồn - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x4,9	
3	Thuận Phước - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x9,6	
4	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Phong	km	2x0,03	
5	Nhánh rẽ trạm Hòa Liên, tuyến thứ 2	km	2x2,2	
6	Nhánh rẽ trạm 220kV Hải Châu vào tuyến cáp ngầm 110kV Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,5	
7	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Hải Châu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x5	
8	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu đến trạm biến áp 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x4,0	
9	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x1,0	
10	Quận 3 - Điện Nam - Điện Ngọc	km	2x15	
11	Nhánh rẽ trạm 110kV Khuê Trung, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1	
12	Liên Chiểu - NM Thép Đà Nẵng	km	2x1,5	
13	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Khánh Nam, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1	
14	Tiên Sa (220kV) - Thọ Quang, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x6	
15	Nhánh rẽ trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,1	
16	Xuất tuyến trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x0,5	
17	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x4	
18	Nhánh rẽ trạm 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1,2	
19	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Liên 2	km		2x0,1
20	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Nhơn	km		2x5
21	Nhánh rẽ trạm 110kV Làng Vân, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		4x3
22	Ngũ Hành Sơn (220kV) - An Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x3

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư	
			2021-2030	2031-2050
23	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Châu	km		2x1
24	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Sơn	km		2x1
25	Hòa Liên (220kV) - Hòa Khánh Nam	km		2x6
26	Nhánh rẽ trạm 110kV Công viên 29/3, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x1
27	Sân bay Đà Nẵng - Phước Lý, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x3
II	Cải tạo, nâng tiết diện	km	97,267	
1	Mạch 2 Quận 3 (Ngũ Hành Sơn) - An Đồn, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x4,9	
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Đại Lộc	km	2x14,8	
3	Hòa Khánh - Hòa Khánh 2	km	2x1,862	
4	Cầu Đỏ - Hòa Khánh	km	2x11,2	
5	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Xuân Hà	km	2x4	
6	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ	km	2x15,5	
7	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Liên Trì	km	2x4,4	
8	Cải tạo tuyến Điện Nam Điện Ngọc - Ngũ Hành Sơn (220kV)	km	2x14,6	
9	Ngầm hóa đoạn tuyến từ T413-T401 đường dây 110kV Huế-Đà Nẵng đi qua dự án Golden Hills city, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2,47	
10	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	6,1	
11	Đà Nẵng - Điện Nam Điện Ngọc	km	15,3	
12	Dự án di dời, hạ ngầm đường dây 110kV Hòa Khánh 2 - Cầu Hai/Lăng Cô, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,335	
13	Cải tạo, di dời, hạ ngầm đường dây 110kV nhánh rẽ Xuân Hà, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x4
14	Hạ ngầm đường dây 110kV Quận Ba - An Đồn, đoạn từ trạm biến áp 110kV Quận Ba đến cột H60A và từ cột H62 đến cột H63	km	2x1,8	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục III
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2023-2030
(Kèm theo Quyết định số 579 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025
của UBND thành phố Đà Nẵng)

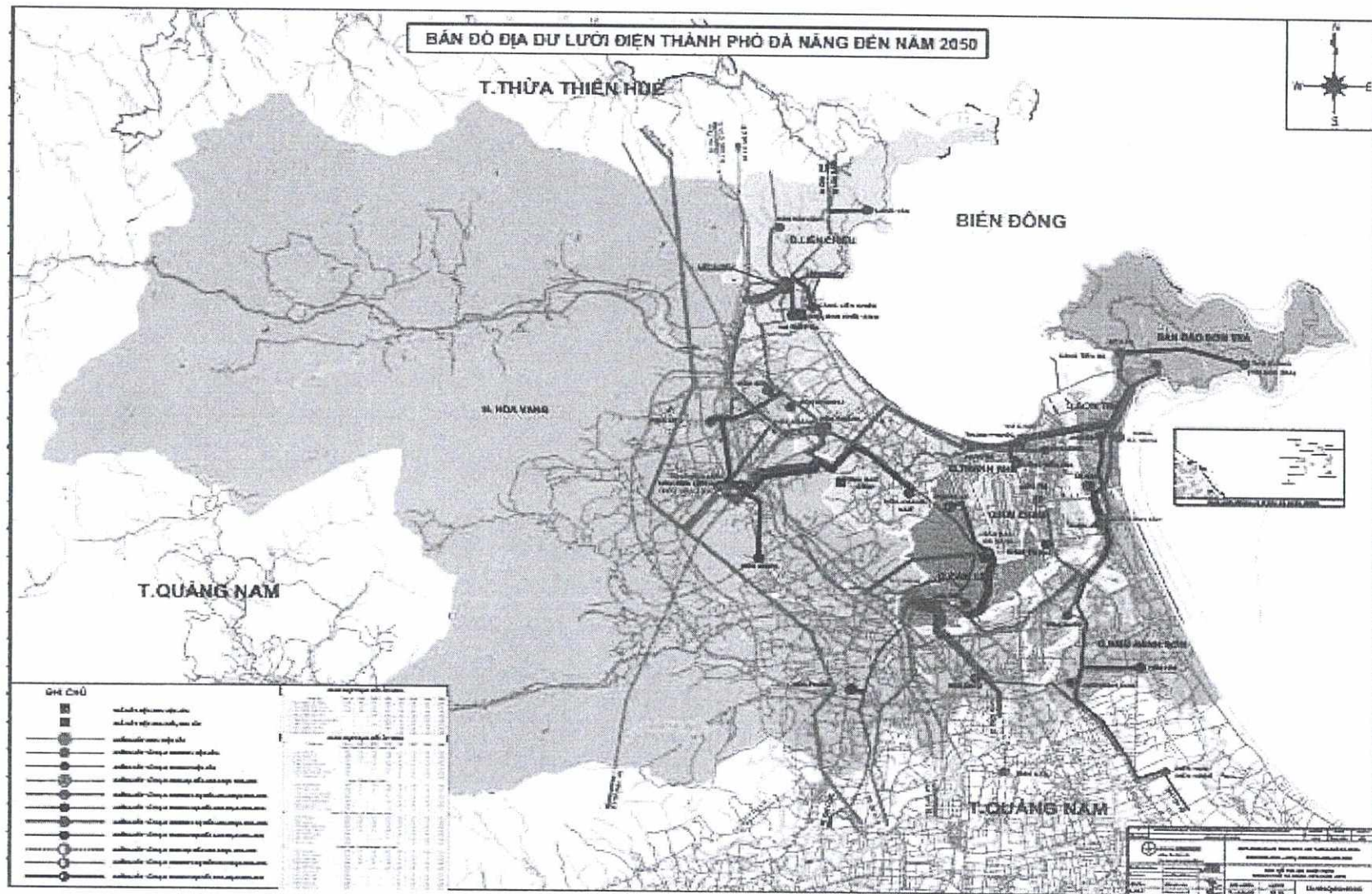
TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
1	Đường dây 500kV mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Huyện Hòa Vang	2023-2030
2	Nâng công suất TBA220kV Ngũ Hành Sơn, lắp máy 2-250MVA	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
3	Nâng công suất TBA500kV Đà Nẵng từ 2x450MVA lên thành 2x900MVA	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Xây dựng mới TBA220kV Hải Châu và đường dây đầu nối	Quận Hải Châu, Liên Chiểu,	2023-2030
5	Xây dựng mới TBA220kV Liên Chiểu và đường dây đầu nối	Quận Liên Chiểu	2023-2030
6	Xây dựng mới TBA220kV Sân Bay và đường dây đầu nối	Quận Cẩm Lệ, Thanh Khê	2023-2030
7	Xây dựng mới TBA220kV Tiên Sa và đường dây đầu nối	Quận Sơn Trà	2023-2030
8	Xây dựng mới đường dây 220kV Hải Châu – Ngũ Hành Sơn	Các quận: Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023-2030
9	Xây dựng mới TBA110kV Thuận Phước và đường dây đầu nối	Các quận: Hải Châu, Thanh Khê	2023-2030
10	Xây dựng mới TBA110kV Khuê Trung và đường dây đầu nối	Các quận: Hải Châu, Cẩm Lệ	2023-2030
11	Xây dựng mới TBA110kV Hoà Khánh Nam và đường dây đầu nối	Các quận: Cẩm Lệ, Liên Chiểu	2023-2030
12	Xây dựng mới TBA110kV Thọ Quang và đường dây đầu nối	Quận Sơn Trà	2023-2030
13	Xây dựng mới TBA110kV Sân bay và đường dây đầu nối	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
14	Xây dựng mới TBA110kV Cảng Liên Chiểu và đường dây đầu nối	Quận Liên Chiểu	2023-2030
15	Xây dựng mới TBA110kV Hoà Hải và đường dây đầu nối	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
16	Mạch 2 đường dây 110kV Quận 3 (Ngũ Hành Sơn) – An Đồn	Quận Ngũ Hành Sơn và quận Sơn Trà	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
17	Dự án Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại Khánh Sơn, TP Đà Nẵng, công suất 18MW, đấu nối vào hệ thống điện quốc gia bằng đường dây 22kV, đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 22kV Xuất tuyến 474 Trạm biến áp 220/110kV Hòa Khánh và 475/E12 Cầu Đỏ	Quận Liên Chiểu	2023-2030
18	Dự án Nhà máy điện sinh khối, xây dựng mới 02 xuất tuyến cáp ngầm trung thế 22kV từ tủ lộ tổng 22kV thuộc trạm biến áp nâng áp của dự án đấu nối đến các xuất tuyến 471 - 473/E92 nhánh 22kV hiện hữu, sau đo đếm của Điện lực	Quận Liên Chiểu	2023-2030

Phụ lục IV

BẢN ĐỒ ĐỊA DƯ LƯỚI ĐIỆN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 579 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)



PHỐ DÀ NẴNG